

# BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG, VIỆT NAM

Luu Bích Ngọc\*

*Biến đổi khí hậu (BĐKH) và những hệ lụy của nó đến kinh tế - xã hội và đến phát triển của các cộng đồng dân cư đã trở thành một vấn đề được quan tâm đặc biệt. Sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu, mực nước biển dâng, xâm nhập mặn và những hiện tượng thời tiết cực đoan xuất hiện ngày một nhiều đã tác động tới sinh kế của các hộ nông dân vùng đồng bằng sông Hồng, một trong hai vùng được dự báo sẽ chịu ảnh hưởng rất mạnh từ biến đổi khí hậu ở Việt Nam. Đối với các hộ nông dân ở đây, các loại sinh kế chủ yếu và truyền thống được dựa trên tư liệu sản xuất chính là đất canh tác nông nghiệp, và mặt nước nuôi trồng thủy/hải sản. Biến đổi sử dụng đất của các hộ gia đình nông thôn đồng bằng sông Hồng thời gian qua chịu tác động mạnh từ chính sách đổi mới trong sản xuất nông nghiệp cũng như quá trình công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước. Biến đổi khí hậu trong hơn 5 năm qua (2005-2011) cũng đã bước đầu ảnh hưởng tới biến đổi sử dụng đất của các hộ gia đình với những biểu hiện cụ thể như giảm diện tích canh tác, biến đổi mục đích sử dụng đất.*

**Từ khóa:** Biến đổi sử dụng đất, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, thời tiết cực đoan, ứng phó, thích ứng

## 1. Bối cảnh

Kể từ khi Ủy ban liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC) được thành lập năm 1988, chủ đề biến đổi khí hậu thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế và trở thành chủ đề hàng đầu trong nhiều chương trình nghị sự quốc tế. Việt Nam là một trong số những quốc gia sẽ chịu ảnh hưởng nghiêm trọng từ biến đổi khí hậu. Theo Báo cáo phát triển con người 2008, nếu nhiệt độ trái đất tăng 2°C và mực nước biển dâng thêm 1m vào cuối thế kỷ 21 thì khoảng 22 triệu dân Việt Nam sẽ bị mất nhà, 12,3% diện tích đất trồng trọt bị mất và 40.000km<sup>2</sup> diện tích đồng bằng sẽ chịu tác động của lũ ở mức không thể dự đoán được (UNDP, 2008). Thực tế, trong vòng 50 năm qua, nhiệt độ trung bình ở Việt Nam đã tăng khoảng 2-3°C và mực nước biển đã dâng thêm khoảng 20 cm. Bên cạnh đó, lượng mưa tính trung bình trên cả nước đã giảm khoảng 2%/năm, các hiện tượng thời tiết cực đoan gia tăng, đặc biệt là bão có cường độ mạnh xuất hiện nhiều hơn và mùa bão kết thúc muộn hơn (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009).

Đồng bằng sông Hồng là một trong những khu

vực chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất ở Việt Nam trước tác động của BĐKH, đặc biệt là sự gia tăng mực nước biển và sự xuất hiện bất thường của các hiện tượng thời tiết cực đoan (Tô Văn Trường, 2008). Cuộc sống của các hộ gia đình nông thôn, nhất là ở khu vực đồng bằng ven biển, đang bị đe dọa với sinh kế chủ yếu của họ là trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản với tư liệu sản xuất chính là đất canh tác nông nghiệp, và mặt nước nuôi trồng thủy hải sản.

Biến đổi sử dụng đất nông nghiệp nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng trong những năm trước đây chịu tác động mạnh mẽ từ chính sách đổi mới trong nông nghiệp và sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ sau năm 1986. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế có bản chất là sự điều chuyển lao động từ khu vực có năng suất thấp sang khu vực có năng suất cao. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế kéo theo hệ quả khá mật thiết là chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất; chuyển đổi sở hữu, quy mô tích tụ đất; chuyển đổi tập quán sản xuất kinh doanh, cây trồng vật nuôi, thu nhập và phân hoá thu nhập hộ gia đình. Xu hướng chung của việc chuyển đổi cây trồng và vật nuôi ở Đồng bằng sông Hồng từ sau Đổi Mới đến nay là tập trung vào cây

lượng thực để tự túc lương thực trong thời gian đầu và sau đó chuyển sang cây thức ăn gia súc và chăn nuôi, rồi phát triển các cây có dầu, đậu, rau quả có giá trị trên thị trường (Bùi Đại Dũng, 2011). Cũng vì vậy, nhiều diện tích đất trồng lúa được chuyển thành trồng màu, trồng cây ăn quả, trồng rau và rau sạch thậm chí là trồng cây cảnh hay trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò. Một trong những dấu hiệu thay đổi sử dụng đất và chuyển đổi cây trồng, vật nuôi điển hình ở Đồng bằng sông Hồng là việc tăng nhanh diện tích nuôi trồng thủy sản (từ khoảng 62 nghìn ha vào năm 1995 lên 125 nghìn ha vào năm 2009). Nguyên nhân cơ bản là điều kiện tự nhiên của Đồng bằng sông Hồng có lợi thế cho việc cải tạo để nuôi trồng thủy sản (Bùi Đại Dũng, 2011). Ngoài tác động từ chính sách và các yếu tố phát triển kinh tế - xã hội, ở cả cấp độ vĩ mô lẫn cấp độ hộ gia đình, biến đổi sử dụng đất nông nghiệp nông thôn Đồng bằng sông Hồng hiện còn cần được xem xét trong bối cảnh của biến đổi khí hậu.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Dải ven biển vùng Đồng bằng sông Hồng là khu vực có mật độ dân cư cao và sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp phụ thuộc nhiều vào khí hậu, nguồn nước (Peter Chaudhry và Greet Ruyschaert, 2007). Đây là vùng đất thấp ven biển với 30% diện tích có độ cao dưới 2,5m so với mực nước biển nên thường xuyên phải gánh chịu những ảnh hưởng mạnh mẽ của thiên tai, đặc biệt là các thiên tai có nguồn gốc từ biển. Nếu mực nước biển dâng thêm 1m, ước tính có khoảng 5.000 km<sup>2</sup> diện tích vùng Đồng bằng sông Hồng sẽ bị ngập nước (Tô Văn Trường, 2008). Đã có một vài nghiên cứu cho thấy xâm nhập mặn và triều cường là những hậu quả từ BĐKH đang tác động mạnh đến sinh kế của các hộ gia đình nông thôn vùng ven biển (Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu, 2011).

Điển hình, nghiên cứu dựa trên tiếp cận định tính trường hợp 02 xã Giao Thiện và Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cho thấy khoảng 5 năm trở lại đây (2005-2010) hiện tượng xâm nhập mặn vào đất liền có xu hướng mạnh hơn. Trước đây, tình trạng xâm nhập mặn vẫn diễn ra nhưng ở mức độ ít hơn, nước biển chỉ xâm nhập vào sâu khoảng 15-20 km trong đất liền. Hiện nay, nước mặn của biển đã xâm nhập vào đất liền tới 25-30km. Nguyên nhân của tình trạng này được người dân cho biết là do sự gia tăng mực nước biển và do lượng mưa ở thượng nguồn ngày càng giảm nên lượng nước ngọt ít đi và đất đai trở nên mặn hơn. Sự xâm nhập mặn này đã khiến cho nhiều diện tích đất không còn khả năng

canh tác, nhiều diện tích đầm hồ không thể nuôi trồng ngao, tôm. Tuy chỉ dựa trên phương pháp tiếp cận định tính, nghiên cứu này cũng đã cho thấy nếu đất mặn quá, không cấy trồng lúa được, các hộ gia đình sẽ bỏ ruộng hoang để tránh tổn thất hoặc một số hộ gia đình sẽ thay đổi chiến lược trồng trọt trên vùng đất bị nhiễm mặn bằng cách chuyển từ trồng lúa sang trồng rau màu hay một số loại cây trồng khác, hoặc thậm chí sẽ đào ao thả cá (Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu, 2011).

Trong khi ảnh hưởng của BĐKH tới các vùng nông thôn ven biển Đồng bằng sông Hồng được quan sát ngày một rõ ràng, ảnh hưởng của BĐKH tới các vùng nông thôn trong đất liền còn ít được biết đến. Tuy vậy, tại các vùng nông thôn đồng bằng, nông thôn ven đô hay nông thôn trung du, các hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng, hạn hán, mưa lớn, lũ lụt, rét đậm, rét hại bất thường đã bắt đầu tác động vào các hoạt động sống và hoạt động sản xuất của các hộ gia đình nông dân. Sinh kế chủ yếu của các hộ gia đình tại các vùng này là trồng lúa, trồng rau màu, trồng rừng, trồng cỏ và cả chăn nuôi lợn, bò... đã bắt đầu bị ảnh hưởng bởi BĐKH và đang có những sự biến đổi để thích ứng (Nguyễn Thị Kim Hoa và cộng sự, 2011).

Như vậy có thể thấy, biến đổi sử dụng đất dưới ảnh hưởng của BĐKH đã xảy ra. Tuy nhiên, mức độ cụ thể của những biến đổi đó như thế nào vẫn là câu hỏi chưa được trả lời. Một vài nghiên cứu về ảnh hưởng của BĐKH đến biến đổi sinh kế của các hộ gia đình ở vùng Đồng bằng sông Hồng đã được thực hiện. Song các nghiên cứu này mới chỉ áp dụng phương pháp tiếp cận định tính để phát hiện một số hình thức thay đổi lẻ tẻ mà chưa có lượng hóa mức độ biến đổi về sinh kế của các hộ gia đình cũng như tính quy luật của nó. Cũng chưa có bất kỳ nghiên cứu nào trước đây nghiên cứu về ảnh hưởng của BĐKH đến biến đổi sử dụng đất của các hộ gia đình nông thôn ở đồng bằng sông Hồng. Đặc biệt, điểm cần nhấn mạnh hiện nay là làm sao bóc tách được xu hướng và mức độ biến đổi sử dụng đất dưới ảnh hưởng của BĐKH với biến đổi sử dụng đất dưới tác động mạnh mẽ của các yếu tố chính sách, quy hoạch, các yếu tố kinh tế - xã hội như công nghiệp hoá và đô thị hoá.

## 3. Số liệu và phương pháp tiếp cận

Trong khuôn khổ một dự án tài trợ của DANIDA, Trung tâm quốc tế về biến đổi toàn cầu - Đại học quốc gia Hà Nội cùng Viện Dân số và các vấn đề xã hội - Trường đại học Kinh tế quốc dân đã thực hiện một điều tra về “*Tác động của biến đổi khí hậu tới*

*biến đổi sử dụng đất và thay đổi sinh kế cộng đồng ở Đồng bằng sông Hồng*” trong tháng 5 và tháng 6 năm 2011. Điều tra này nhằm mục đích thu thập các thông tin bằng bảng hỏi định lượng từ các hộ gia đình ở các vùng nông thôn khác nhau thuộc Đồng bằng sông Hồng về thực trạng sử dụng đất, nghề nghiệp, cơ cấu sản xuất vật nuôi, cây trồng, cơ cấu nguồn thu trong giai đoạn 2005-2011.

Địa bàn nghiên cứu gồm 5 xã đại diện cho các vùng nông thôn khác nhau của Đồng bằng sông Hồng. Xã Cồn Thoi, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đại diện cho vùng nông thôn ven biển. Xã Vân Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đại diện cho vùng nông thôn ven đô. Xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đại diện cho vùng nông thôn trung du. Sinh kế chính liên quan đến sử dụng đất của người dân 3 xã vùng ven biển là trồng lúa nước; chăn nuôi gia súc, gia cầm; nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Đối với vùng nông thôn ven đô, các hộ gia đình sử dụng đất để trồng lúa, trồng rau, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Tại vùng nông thôn bán sơn địa, đất được sử dụng cho trồng lúa, trồng màu, trồng cây cảnh và trồng cỏ để phục vụ chăn nuôi bò sữa (Phạm Văn Cự và cộng sự, 2009).

Tại mỗi xã, gần 200 hộ gia đình sinh sống tại địa phương từ năm 2005 trở về trước (nghĩa là loại trừ những hộ mới chuyển đến sau năm 2005) được lựa chọn phỏng vấn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên máy móc để đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ các hộ gia đình theo đúng tiêu thức chọn mẫu trong cộng đồng dân cư. Cỡ mẫu này được ước lượng dựa trên công thức không biết tổng thể mẫu, độ tin cậy thống kê đạt 90% và sai số mẫu được hạn chế bằng hệ số  $coefficient = 2$ . Mẫu điều tra được lấy từ tất cả các thôn trong xã và dựa trên danh sách toàn bộ các hộ gia đình thuộc diện điều tra được lập.

Về các đặc trưng nhân khẩu học, các hộ gia đình được điều tra có trung bình 4,4 nhân khẩu, tương tự như quy mô hộ gia đình Việt Nam theo kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở 1.4.2009 (Tổng cục thống kê, 2010). Về các đặc trưng kinh tế - xã hội, 61,4% các hộ gia đình được điều tra có từ 1-2 thành viên, 31,4% các hộ gia đình có từ 3-4 thành viên hiện đi làm có thu nhập. Tỷ lệ hộ gia đình không có người đi làm có thu nhập hoặc có hơn 5 người đi làm có thu nhập không nhiều (tương ứng là 2,2% và 4,9%). Hiện một nửa các hộ gia đình được điều tra đã có nhà ở kiên cố. Vân Nội, Giao Thiện, Thái Đô là những xã có tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở kiên cố tương

đối cao (tương ứng là 67,5%, 56,2%, 67,5%). 48,1% các hộ gia đình được điều tra hiện đang ở trong nhà cấp 4 mái ngói. Chỉ có 1,2% hiện phải sống trong các căn nhà lá đơn sơ. Trong hơn 5 năm (2005 đến 2011), tỷ lệ các hộ gia đình có nhà ở kiên cố đã tăng thêm 9,5%, tỷ lệ hộ gia đình ở nhà cấp 4 mái ngói giảm đi 8,1%, tỷ lệ hộ gia đình sống trong loại nhà lá đơn sơ cũng giảm đi một nửa. Thực tế này cho thấy mức sống của người dân tại các địa bàn nghiên cứu cũng tương tự như mức sống của các hộ gia đình ở nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng đã được cải thiện rất nhiều trong những năm gần đây.

Về phương pháp định lượng được áp dụng trong các phân tích về biến đổi sử dụng đất. Thực trạng sử dụng đất của các hộ gia đình được thể hiện qua các thông tin về diện tích đất ở, diện tích đất canh tác với từng loại cây trồng, diện tích mặt nước canh tác với từng loại thủy hải sản. Giá trị trung bình về diện tích các loại đất, mặt nước canh tác được tính toán cho thời điểm năm 2005 và năm 2011. Biến đổi sử dụng đất được xác định thông qua sự thay đổi về diện tích của các loại đất được sử dụng cũng như thay đổi về mục đích sử dụng các loại đất, mặt nước canh tác cùng với nguyên nhân gây nên những thay đổi đó.

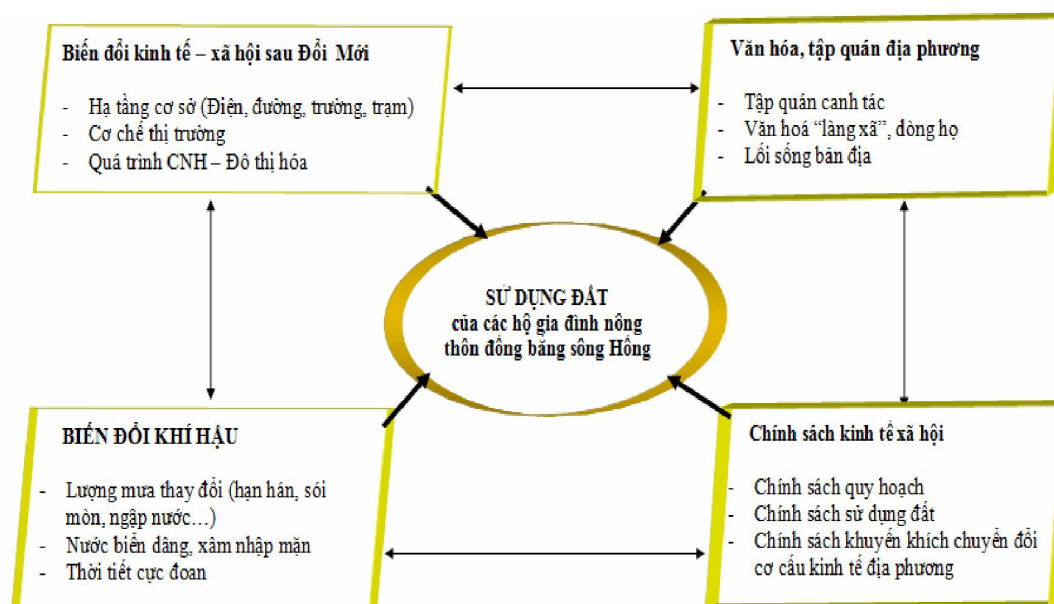
Nguyên nhân gây nên sự thay đổi về diện tích đất và mục đích sử dụng đất được xác định một cách tổng quát, đi từ các yếu tố của phát triển kinh tế - xã hội, của chính sách đến các yếu tố của BDKH mà ở đây là các biến số như lượng mưa thay đổi (gây nên hạn hán, sỏi mòn, sạt lở hay ngập lụt...), nước biển dâng gây nên hiện tượng nước biển xâm thực, xâm nhập mặn, mặt nước ô nhiễm, hay sự xuất hiện của các hiện tượng thời tiết cực đoan (Hình 1).

#### **4. Phân tích biến đổi sử dụng đất của hộ gia đình và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu**

##### **4.1. Biến đổi sử dụng đất ở**

Đất ở bao gồm đất xây dựng nhà ở, sân, vườn liền nhà, ao liền vườn. Trung bình một hộ gia đình được điều tra có khoảng 830m<sup>2</sup> diện tích đất ở vào thời điểm điều tra. Các hộ gia đình ở Tân Lĩnh sử dụng những diện tích đất ở trung bình tương đối lớn 1.650m<sup>2</sup>, gấp 1,5 lần so với các hộ gia đình ở Cồn Thoi (1.046m<sup>2</sup>), và gấp khoảng 3 lần so với các hộ gia đình ở Giao Thiện và Thái Đô (536m<sup>2</sup> và 527m<sup>2</sup>). Các hộ gia đình ở Vân Nội sử dụng diện tích đất ở ít nhất (trung bình mỗi hộ có 367m<sup>2</sup>). Có thể thấy, mật độ dân cư nông thôn ở vùng ven đô dày đặc hơn so với vùng ven biển và thưa hơn cả là vùng trung du, điều này có thể là cơ sở phản ánh

**Hình 1: Khung phân tích về các nhân tố ảnh hưởng đến biến đổi sử dụng đất**



những xu hướng và cách thức thay đổi sử dụng đất ở khác nhau giữa các vùng.

Theo kết quả điều tra cho thấy, từ năm 2005 đến nay diện tích đất ở của một hộ gia đình đã giảm bình quân 64,3 m<sup>2</sup> (giảm khoảng 7,2% so với năm 2005). Mức giảm nhiều nhất cũng tập trung ở các xã có

bình quân diện tích đất ở của các hộ gia đình cao như Tân Lĩnh và Cồn Thoi, tương ứng trung bình một hộ mất đi 155m<sup>2</sup> và 87m<sup>2</sup>. Trung bình một hộ dân ở Giao Thiện mất đi 35m<sup>2</sup>, ở Vân Nội mất đi 28m<sup>2</sup>, ở Thái Đô mất đi 14,5m<sup>2</sup> diện tích đất ở (Bảng 1). Trong đó, tỷ lệ hộ có diện tích đất ở giảm

**Bảng 1. Diện tích trung bình các loại đất ở của các hộ gia đình được điều tra năm 2005, 2011**

Chỉ báo	Vân Nội	Tân Lĩnh	Giao Thiện	Cồn Thoi	Thái Đô	Chung
<b>Tổng diện tích đất ở (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	394,6	1806,4	570,6	1132,7	542,1	***895,1
2011	366,8	1650,9	535,9	1046,2	527,6	***830,7
Chênh lệch	-27,8	-155,5	-34,7	-86,6	-14,5	-64,3
<b>Diện tích nhà (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	104,4	121,9	95,0	105,6	88,0	**103,1
2011	112,2	130,0	94,7	106,5	89,7	***106,7
Chênh lệch	7,8	8,1	-0,3	0,9	1,7	3,6
<b>Diện tích sân (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	59,3	79,4	75,1	68,3	53,4	*67,1
2011	87,5	76,0	76,7	67,1	51,3	71,7
Chênh lệch	28,2	-3,3	1,6	-1,2	-2,1	4,5
<b>Diện tích vườn liền nhà (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	211,2	1399,2	280,9	588,0	332,6	***566,9
2011	183,2	1300,4	253,2	574,6	319,5	***530,5
Chênh lệch	-28,0	-98,8	-27,7	-13,3	-13,1	-36,4
<b>Diện tích ao liền vườn (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	11,4	186,4	109,0	265,8	56,8	***126,8
2011	2,2	189,8	101,9	247,7	57,1	***120,7
Chênh lệch	-9,2	3,4	-7,1	-18,1	0,3	-6,0
<b>N</b>	<b>194</b>	<b>200</b>	<b>194</b>	<b>199</b>	<b>197</b>	<b>984</b>

Ý nghĩa thống kê \*\*\*: p=0,000; \*\*: p<0,01; \*: p<0,05

ở hầu hết các xã điều tra chỉ vào khoảng trên 10% số hộ, riêng ở xã Thái Đô chỉ có 5,1% số hộ.

Nguyên nhân của việc giảm diện tích đất ở này được thể hiện: 11,3% hộ gia đình là do bị thu hồi đất vì quy hoạch; 39,2% hộ gia đình là do bán hoặc chuyển nhượng; 49,5% hộ gia đình là do cho, thừa kế, hoặc biếu tặng; chỉ có 2,1% hộ gia đình việc giảm đất ở là do bị xâm thực hoặc sạt lở đất gây nên. Khoảng từ 10% đến gần 20% số hộ gia đình ở Tân Lĩnh và ở 3 xã ven biển có diện tích đất ở giảm là do bị thu hồi đất vì mục đích quy hoạch. Thêm vào đó, các hộ gia đình cất đất cho con cái thừa kế theo hình thức tách hộ giữa bố mẹ và con cái đã trưởng thành. Tỷ lệ các hộ gia đình bị giảm diện tích đất ở vì nguyên nhân này tương đối nhiều ở 3 xã vùng ven biển (trung ứng là 75%, 50,0% và 60,0% số hộ gia đình giảm diện tích đất ở Giao Thiện, Cồn Thoi và Thái Đô). Mức độ ảnh hưởng của BĐKH đến sự thay đổi đất ở là có và chỉ tập trung vào các xã vùng ven biển, với tỷ lệ không lớn (thực tế cũng chỉ tác động ở 5,0% hộ dân ở xã Giao Thiện và 5,6% hộ dân ở xã Cồn Thoi). Lý do sự giảm sút đất ở của các hộ nông dân trong thời gian vừa qua chủ yếu lại thuộc về các yếu tố kinh tế, xã hội (Bảng 2).

Kết quả thống kê cho thấy trong giai đoạn 2005-2011, Tân Lĩnh, Vân Nội có hơn 21% số hộ gia đình đã thay đổi mục đích sử dụng giữa các loại đất ở mà nguyên nhân là do hầu hết các hộ gia đình có nhu cầu chuyển đổi. Các xã ven biển có tỷ lệ hộ gia đình thay đổi mục đích sử dụng đất ở ít hơn (trung ứng là 17,5% số hộ gia đình Giao Thiện, 16,6% các hộ gia đình Cồn Thoi và 11,1% các hộ gia đình Thái Đô). Trong số đó, chỉ riêng có 6% số hộ gia đình ở Thái Đô phải chuyển đổi mục đích sử dụng giữa các loại đất ở khác nhau là do đất bị sạt lở. Tuy nhiên, nếu đi sâu vào sự thay đổi trong cấu trúc đất ở có sự biến đổi theo chiều hướng khác nhau: Diện tích đất

nhà và sân thì tăng lên (trung ứng 3,6 m<sup>2</sup> và 4,5 m<sup>2</sup>), trong khi diện tích vườn liền nhà, hoặc diện tích ao liền vườn lại đều giảm (trung ứng 36,4 m<sup>2</sup> và 6,0 m<sup>2</sup>). Điều đó chứng tỏ các hộ gia đình đã chuyển đổi khá nhiều diện tích đất vườn sang thành nhà ở.

Các hộ gia đình ở Tân Lĩnh, Vân Nội có diện tích nhà ở được tăng lên mạnh nhất. Đây là 2 địa phương thuộc Hà Nội, xu thế đô thị hoá diễn ra rất mạnh, người dân xây nhà kiên cố mới rất nhiều. Diện tích đất sân nhà của các hộ gia đình ở Tân Lĩnh, Giao Thiện, Cồn Thoi và Thái Đô không thay đổi nhiều. Riêng diện tích đất này của các hộ gia đình Vân Nội tăng gần 30m<sup>2</sup>. Ngược lại, diện tích vườn liền nhà có xu hướng giảm mạnh ở các hộ gia đình Tân Lĩnh, sau đó là Vân Nội và Giao Thiện. Cồn Thoi và Thái Đô có mức giảm giống nhau (Bảng 1). Diện tích vườn liền nhà của các hộ gia đình ở Tân Lĩnh và Vân Nội giảm đi để bù vào diện tích nhà được xây mới và đất vườn được bán đi để có thêm thu nhập vì giá đất của các vùng ven đô Hà Nội trong những năm gần đây tăng cao. Rất nhiều hộ dân đã bán bớt đất để có tiền xây nhà (47,8% các hộ gia đình ở Vân Nội và 65,4% các hộ gia đình ở Tân Lĩnh).

#### 4.2. Biến đổi sử dụng đất canh tác

Đất canh tác của các hộ gia đình được điều tra gồm đất trồng lúa, đất trồng màu, đất trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả, đất trồng xen canh lúa – màu hoặc lúa – cây ăn quả, đất trồng rừng, đất trồng cỏ, đất chăn nuôi gia súc, gia cầm, đất canh tác cho thuê mướn và đất canh tác bị bỏ hoang. Tại thời điểm điều tra, bình quân tổng các diện tích đất canh tác mà mỗi hộ gia đình được điều tra sử dụng là 1.607m<sup>2</sup> (4,4 sào Bắc bộ). Bình quân mỗi hộ gia đình ở Tân Lĩnh sử dụng 2.158m<sup>2</sup>, cao hơn so với Vân Nội (1.220m<sup>2</sup>). Ở 3 xã ven biển, các hộ gia đình ở Cồn Thoi sử dụng nhiều đất canh tác hơn các hộ

**Bảng 2. Phân bố tỷ lệ (%) các hộ gia đình được điều tra theo nguyên nhân gây nên giảm diện tích đất ở giai đoạn 2005-2011**

<i>Chỉ báo</i>	<i>Vân Nội</i>	<i>Tân Lĩnh</i>	<i>Giao Thiện</i>	<i>Cồn Thoi</i>	<i>Thái Đô</i>	<i>Chung</i>
Bị thu hồi đất do quy hoạch	-	19,2	10,0	16,7	10,0	11,3
Biển/sông xâm thực (sạt lở)	-	-	5,0	5,6	-	2,1
Bán/chuyển nhượng	47,8	65,4	20,0	27,8	10,0	**39,2
Cho thừa kế/biếu/ tặng	56,5	19,2	75,0	50,0	60,0	**49,5
Khác	-	7,7	5,0	-	20,0	5,2
<b>N</b>	<b>23</b>	<b>26</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>10</b>	<b>99</b>

Ý nghĩa thống kê \*\*\*: p=0,000; \*\*: p<0,01; \*: p<0,05

gia đình ở Giao Thiện và Thái Đô (1.809m<sup>2</sup> so với 1.553m<sup>2</sup> và 1.260m<sup>2</sup>). So với năm 2005, Vân Nội - Hà Nội và Thái Đô – Thái Bình là những địa phương có tổng diện tích đất canh tác bình quân của

hộ gia đình giảm mạnh (157m<sup>2</sup> và 305m<sup>2</sup>), trong khi đó ở xã trung du Tân Lĩnh đất canh tác lại tăng thêm bình quân 4,8 m<sup>2</sup>/hộ (Bảng 3).

Theo kết quả điều tra, có 25% các hộ gia đình

**Bảng 3. Diện tích trung bình các loại đất canh tác của các hộ gia đình được điều tra năm 2005, 2011**

<i>Chỉ báo</i>	<i>Vân Nội</i>	<i>Tân Lĩnh</i>	<i>Giao Thiện</i>	<i>Cồn Thoi</i>	<i>Thái Đô</i>	<i>Chung</i>
<b>Tổng diện tích đất canh tác (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	1.377,9	2.153,3	1.568,7	1.828,2	1.565,1	***1.703,1
2011	1.220,4	2.158,2	1.553,7	1.809,7	1.260,2	***1.607,4
Chênh lệch	-157,5	4,8	-15,0	-18,5	-304,9	-95,7
<b>Diện tích đất trồng lúa (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	672,4	1.314,6	1.520,6	1.859,6	1.433,9	***1.372,5
2011	527,0	1.139,4	1.555,5	1.743,2	1.045,5	***1.217,6
Chênh lệch	-145,4	-175,2	35,0	-116,3	-388,3	-154,9
<b>Diện tích đất trồng hoa màu (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	443,2	486,4	4,4	11,1	115,2	***204,2
2011	400,6	422,3	0,6	11,1	122,3	***183,9
Chênh lệch	-42,6	-64,1	-3,8	0,0	7,0	-20,3
<b>Diện tích đất trồng hoa, cây ăn quả, cây cảnh (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	5,1	1,1	0,8	1,9	0,0	1,8
2011	4,0	60,3	14,4	1,9	0,0	15,7
Chênh lệch	-1,1	59,1	13,7	0,0	0,0	13,9
<b>Diện tích đất xen canh (lúa – màu hoặc lúa – cây ăn quả) (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	267,4	292,1	4,9	15,5	51,6	***122,0
2011	188,4	273,7	4,8	13,1	39,9	***100,3
Chênh lệch	-79,0	-18,4	0,0	-2,4	-11,7	-21,7
<b>Diện tích đất trồng rừng (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	0,0	148,8	5,7	0,0	0,0	**29,6
2011	0,0	159,1	6,5	0,0	0,0	***32,4
Chênh lệch	0,0	10,3	0,8	0,0	0,0	2,8
<b>Diện tích đất trồng cỏ (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	0,0	145,7	0,0	0,0	0,0	***27,9
2011	0,0	384,2	0,0	0,0	0,0	***73,3
Chênh lệch	0,0	238,5	0,0	0,0	0,0	45,4
<b>Diện tích đất chăn nuôi gia súc, gia cầm (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	0,0	58,0	0,2	0,0	0,0	11,1
2011	3,1	0,6	0,4	0,0	0,0	0,8
Chênh lệch	3,1	-57,5	0,2	0,0	0,0	-10,3
<b>Diện tích đất canh tác cho thuê mướn (m<sup>2</sup>)</b>						
2005	58,7	21,9	43,9	13,4	30,9	33,6
2011	144,9	68,6	55,6	15,3	107,8	**77,2
Chênh lệch	86,2	46,6	11,7	1,9	76,8	43,6
<b>Diện tích đất canh tác bị bỏ hoang (m<sup>2</sup>)</b>						

Ý nghĩa thống kê \*\*\*: p=0,000; \*\*: p<0,01; \*: p<0,05

trong 6 năm vừa qua có sự biến đổi diện tích đất canh tác và xu hướng tăng giảm diện tích đất canh tác cho mỗi loại sản phẩm nông nghiệp cũng rất khác nhau. Tính bình quân chung cho một hộ dân vùng Đồng bằng sông Hồng, diện tích đất trồng lúa giảm 154,9 m<sup>2</sup>, đất trồng màu giảm 20,3 m<sup>2</sup>, đất xen canh giảm 21,7 m<sup>2</sup>, đất chăn nuôi gia súc, gia cầm giảm 10,3 m<sup>2</sup>; ngược lại, diện tích đất trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả tăng 13,9 m<sup>2</sup>, đất trồng rừng tăng 2,8 m<sup>2</sup>, đất trồng cỏ tăng 45,4 m<sup>2</sup>, đất cho thuê mướn tăng 43,6 m<sup>2</sup> và đất bị bỏ hoang cũng tăng thêm 1,5 m<sup>2</sup>. Cụ thể, số liệu Bảng 3 cũng cho thấy sự chuyển đổi mục đích sử dụng giữa các loại đất canh tác khác nhau của các hộ gia đình ở Vân Nội thể hiện là diện tích đất trung bình dành cho trồng lúa, trồng màu và trồng xen canh lúa – màu giảm đi (tương ứng là -145m<sup>2</sup>, -42m<sup>2</sup> và -79m<sup>2</sup>). Ngược lại, diện tích đất canh tác cho thuê mướn và diện tích đất canh tác bị bỏ hoang tăng lên (86,2m<sup>2</sup> và 8,6m<sup>2</sup>). Ở Tân Lĩnh, diện tích đất canh tác trung bình của các hộ gia đình dùng cho trồng lúa, trồng màu, trồng xen canh lúa – màu giảm (-175,2m<sup>2</sup>, -64,1m<sup>2</sup>, -18,4m<sup>2</sup>), đổi lại diện tích trồng cây cảnh/cây ăn quả, trồng rừng và đặc biệt trồng cỏ tăng (59,1m<sup>2</sup>, 10,3m<sup>2</sup>, 238,5m<sup>2</sup>). Ở Cồn Thoi và Thái Đô, diện tích đất canh tác trung bình của các hộ gia đình dùng cho trồng lúa giảm (-116,3m<sup>2</sup> và -388,3m<sup>2</sup>), đổi lại diện tích canh tác cho thuê mướn tăng (76,8m<sup>2</sup>) và diện tích mặt nước nuôi thủy sản tăng (được tiếp tục đề cập ở phần tiếp theo)

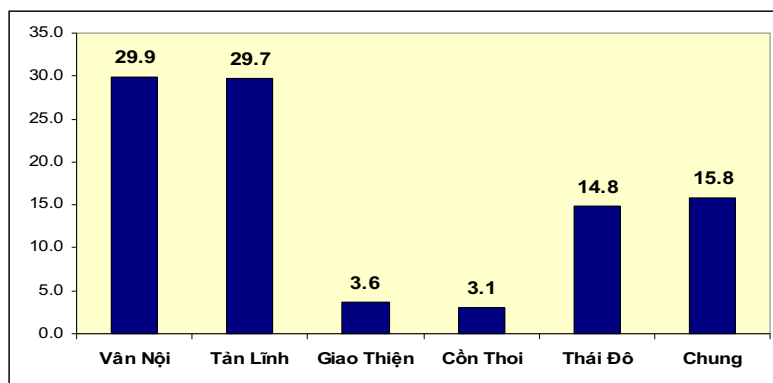
Phân tích biến đổi sử dụng đất theo mục đích sử dụng giữa các loại đất canh tác khác nhau cho thấy thay đổi mục đích sử dụng giữa các loại đất canh tác diễn ra mạnh ở Vân Nội và Tân Lĩnh (gần 30% các hộ gia đình được điều tra). Ở vùng nông thôn ven

biển, việc này xảy ra ít ở Giao Thiện và Cồn Thoi nhưng lại xảy ra với gần 15% các hộ gia đình ở Thái Đô (Hình 2).

Xu hướng giảm diện tích đất canh tác của các hộ gia đình Vân Nội là mạnh nhất (22,6% số hộ gia đình). Điều này cũng dễ hiểu vì Vân Nội là vùng ven đô có mức độ đô thị hoá cao. 65,9% các hộ gia đình có diện tích đất canh tác giảm là do bị thu hồi vì mục đích quy hoạch, 17,1% là do bán và chuyển nhượng một phần đất canh tác của hộ gia đình cho những người khác, 22,0% chia đất, thừa kế cho con cái tách hộ mới. 30,9% các hộ gia đình của Tân Lĩnh có biến đổi diện tích đất canh tác, trong đó một nửa (14,3%) là tăng thêm diện tích đất do mua thêm, thuê hoặc mượn thêm, một nửa (16,6%) là giảm diện tích đất chủ yếu là do bán/chuyển nhượng đi (43,3%) và chia thừa kế cho con cái (43,3%). Chỉ có 10% các hộ gia đình có diện tích đất canh tác giảm là do bị thu hồi vì mục đích quy hoạch. Tỷ lệ hộ gia đình giảm diện tích đất canh tác ở 3 xã ven biển là 19,2% ở Thái Đô, 18,2% ở Cồn Thoi và 11,5% ở Giao Thiện (Bảng 4). Nguyên nhân giảm diện tích đất canh tác ở Giao Thiện và Thái Đô là do bán/chuyển nhượng và chia cho các con hoặc trước kia có thuê thêm đất để canh tác nhưng giờ không thuê nữa. Đối với các hộ gia đình ở Thái Đô, 88,6% số hộ gia đình có diện tích đất canh tác giảm là do người dân đã sử dụng đất canh tác để đào ao nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, nguyên nhân ở đây lại ít liên quan đến những tác động của BĐKH mà do nuôi trồng thủy sản đã cho hiệu quả kinh tế cao hơn, chính quyền xã chủ trương quy hoạch lại ngành nghề.

Nguyên nhân chủ yếu của việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất canh tác của các hộ gia đình được ghi nhận từ điều tra là 55,9% số hộ cho rằng

**Hình 2. Tỷ lệ (%) các hộ gia đình đã thay đổi mục đích sử dụng giữa các loại đất canh tác khác nhau, giai đoạn 2005-2011**



**Bảng 4. Phân bố tỷ lệ (%) các hộ gia đình được điều tra theo tình trạng biến đổi diện tích đất canh tác giai đoạn 2005-2011**

<i>Chỉ báo</i>	<i>Vân Nội</i>	<i>Tân Lĩnh</i>	<i>Giao Thiện</i>	<i>Cồn Thoi</i>	<i>Thái Đô</i>	<i>Chung</i>
Giữ nguyên hiện trạng	72,3	68,6	81,8	74,5	75,8	74,7
Chỉ có thêm vào (tăng thêm)	4,5	<b>14,3</b>	6,8	5,7	4,9	7,2
Chỉ có bớt đi (giảm đi)	<b>22,6</b>	<b>16,6</b>	<b>11,5</b>	<b>18,2</b>	<b>19,2</b>	17,5
Cả thêm vào và bớt đi	0,6	0,6	-	1,6	-	0,5
<b>Tổng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>**100,0</b>
<b>N</b>	<b>177</b>	<b>175</b>	<b>192</b>	<b>192</b>	<b>182</b>	<b>918</b>

Ý nghĩa thống kê \*\*\*: p=0,000; \*\*: p<0,01; \*: p<0,05

“chuyển đổi để có hiệu quả cao hơn”, 12,7% phải chuyển đổi do quy hoạch, 37,5% do thiếu người làm hoặc cho thuê; Còn lại 4,9% số hộ phải chuyển đổi đất canh tác là do tác động của BĐKH (trong đó, 2,1% do đất bị xói mòn, 1,4% đất bị xâm nhập mặn và 1,4% là để ứng phó với thời tiết khắc nghiệt). Trừ Giao Thiện, 4 xã còn lại có tình trạng một số hộ gia đình đã chuyển đổi mục đích sử dụng giữa các loại đất canh tác khác nhau do chính sách quy hoạch cơ cấu sản xuất của địa phương. Điểm đáng lưu ý ở đây là BĐKH đã tác động tới biến đổi mục đích sử dụng giữa các loại đất canh tác khác nhau của các hộ gia đình. Trong số các hộ gia đình có sự chuyển đổi mục đích sử dụng giữa các loại đất canh tác khác nhau, 14,3% số hộ gia đình ở Giao Thiện, 3,7% hộ gia đình ở Thái Đô cho biết đất đã bị xâm nhập mặn nên phải chuyển đổi. 3,9% các hộ gia đình ở Vân Nội phải chuyển đổi để thích ứng với thời tiết khắc nghiệt. 3,9% số hộ gia đình ở Vân Nội và 1,9% số hộ gia đình ở Tân Lĩnh cho biết đất bị xói mòn nên phải chuyển đổi (Bảng 5).

#### 4.3. Biến đổi sử dụng mặt nước canh tác

Mặt nước canh tác ở đây chủ yếu bao gồm mặt nước nuôi trồng thủy sản nước ngọt, mặt nước nuôi trồng thủy hải sản nước mặn hoặc nước lợ. Ngoài ra, mặt nước canh tác bị bỏ hoang và mặt nước canh tác được cho thuê mướn cũng được tính đến. Chỉ có 6 hộ gia đình Vân Nội và 15 hộ gia đình Tân Lĩnh trong số gần 200 hộ gia đình được điều tra tại mỗi xã có diện tích mặt nước canh tác. Số trường hợp quan sát được này không cho phép đảm bảo ý nghĩa thống kê khi phân tích nên biến đổi sử dụng mặt nước canh tác ở Vân Nội và Tân Lĩnh không được xem xét tới trong các phân tích dưới đây. Tại Giao Thiện, 18,1% các hộ gia đình được điều tra sở hữu mặt nước canh tác. Tỷ lệ này trong số các hộ gia đình ở Cồn Thoi là 29,5% và ở Thái Đô là 80,2%.

Xét về diện tích, tại thời điểm điều tra, trong số các hộ gia đình có sở hữu mặt nước canh tác, trung bình mỗi hộ gia đình ở Giao Thiện có 815,9m<sup>2</sup> mặt nước nuôi trồng thủy sản nước ngọt, 15.696,0m<sup>2</sup> mặt nước nuôi trồng thủy/hải sản nước mặn hoặc nước lợ, 1.176,5m<sup>2</sup> mặt nước cho thuê mướn. So với năm 2005, diện tích của mọi loại mặt nước canh

**Bảng 5. Phân bố tỷ lệ (%) các hộ gia đình được điều tra theo nguyên nhân biến đổi mục đích sử dụng đất canh tác giai đoạn 2005-2011**

<i>Chỉ báo</i>	<i>Vân Nội</i>	<i>Tân Lĩnh</i>	<i>Giao Thiện</i>	<i>Cồn Thoi</i>	<i>Thái Đô</i>	<i>Chung</i>
Đất bị xói mòn	<b>3,9</b>	<b>1,9</b>	-	-	-	2,1
Đất bị xâm nhập mặn	-	-	<b>14,3</b>	-	<b>3,7</b>	*1,4
Chuyển đổi để có hiệu quả cao hơn	<b>45,1</b>	<b>75,0</b>	<b>42,9</b>	-	<b>55,6</b>	<b>***55,9</b>
Để ứng phó với thời tiết khắc nghiệt	<b>3,9</b>	-	-	-	-	1,4
Phải chuyển đổi do quy hoạch	<b>19,6</b>	<b>5,7</b>	-	<b>16,7</b>	<b>14,8</b>	<b>12,5</b>
Khác (thiếu người làm, cho thuê...)	37,3	30,2	57,1	83,3	33,3	*37,5
<b>N</b>	<b>51</b>	<b>53</b>	<b>7</b>	<b>6</b>	<b>27</b>	<b>144</b>

Ý nghĩa thống kê \*\*\*: p=0,000; \*\*: p<0,01; \*: p<0,05



tác khác nhau hiện nay của các hộ gia đình ở Giao Thiện đều tăng lên. Trung bình mỗi hộ gia đình ở Cồn Thoi có 957,2m<sup>2</sup> mặt nước nuôi trồng thủy sản nước ngọt, 9.108,8m<sup>2</sup> mặt nước nuôi trồng thủy/hải sản nước mặn hoặc nước lợ, 189,5m<sup>2</sup> mặt nước cho thuê mướn. So với năm 2005, diện tích nuôi trồng thủy sản nước ngọt và diện tích nuôi trồng thủy/hải sản nước mặn/lợ của các hộ gia đình ở Cồn Thoi tăng mạnh và diện tích mặt nước canh tác cho thuê mướn giảm đi. Tại Thái Đô, trung bình một hộ gia đình có 98,6m<sup>2</sup> mặt nước nuôi trồng thủy sản nước ngọt, 2.915m<sup>2</sup> mặt nước nuôi trồng thủy/hải sản nước mặn hoặc nước lợ, 337,6m<sup>2</sup> mặt nước cho thuê mướn và 289,9m<sup>2</sup> mặt nước canh tác bị bỏ hoang. So với năm 2005, diện tích nuôi trồng thủy/hải sản nước mặn/lợ của các hộ dân ở Thái Đô giảm nhiều, diện tích cho thuê mướn và đặc biệt là diện tích mặt nước bị bỏ hoang tăng nhiều (Bảng 6).

Như vậy, có thể thấy là cùng ở vùng nông thôn ven biển song các hộ gia đình ở Giao Thiện có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy/hải sản nước mặn hoặc nước lợ lớn hơn 1,7 lần so với các hộ gia đình ở Cồn Thoi và gấp 5,4 lần so với các hộ gia đình ở Thái Đô. Diện tích mặt nước cho thuê mướn cũng tương tự như vậy. Diện tích nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở Thái Đô ít hơn nhiều so với ở Giao

Thiện và Cồn Thoi. Tuy nhiên, trong khi hầu như không có diện tích mặt nước bị bỏ hoang tại Giao Thiện và Cồn Thoi thì diện tích này lại tăng lên ở Thái Đô.

Phân tích cơ cấu của các hộ gia đình có biến đổi diện tích mặt nước canh tác trong giai đoạn 2005-2011, 12,1% số hộ gia đình ở Giao Thiện có tăng thêm và tỷ lệ tương tự 12,1% số hộ gia đình ở đây giảm diện tích mặt nước canh tác. 13,6% số hộ gia đình ở Cồn Thoi có tăng thêm và 27,1% số hộ gia đình ở đây có giảm đi diện tích mặt nước canh tác. Các tỷ lệ này tương ứng ở Thái Đô là 16,8% và 2,0%. Nguyên nhân các hộ gia đình có thêm diện tích mặt nước canh tác ở Giao Thiện và Cồn Thoi chủ yếu là do chính quyền cấp thêm hoặc hộ gia đình mua thêm hoặc thuê mướn thêm của người khác hoặc được cha mẹ cho thừa kế. Riêng đối với các hộ gia đình có tăng thêm diện tích mặt nước canh tác ở Thái Đô, 80% cho biết họ đã chuyển đổi từ đất canh tác nông nghiệp sang để nuôi trồng thủy/hải sản có giá trị kinh tế cao hơn.

Trong số các hộ gia đình có diện tích mặt nước canh tác bị giảm đi, Cồn Thoi có 11,8% hộ gia đình cho biết nguyên nhân giảm diện tích mặt nước canh tác là do biển xâm thực và 15,4% cho biết đó là do

**Bảng 6. Diện tích trung bình các loại mặt nước canh tác của hộ gia đình được điều tra năm 2005, 2011**

<i>Chỉ báo</i>	<i>Giao Thiện</i>	<i>Cồn Thoi</i>	<i>Thái Đô</i>
<b>Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản nước ngọt (m<sup>2</sup>)</b>			
2005	794,0	717,2	47,9
2011	815,9	957,2	98,6
Chênh lệch	<b>21,9</b>	<b>240,0</b>	<b>50,7</b>
<b>Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy/ hải sản nước mặn/ nước lợ (m<sup>2</sup>)</b>			
2005	15.541,7	7.285,4	3.139,1
2011	15.696,0	9.108,8	2.915,0
Chênh lệch	<b>154,3</b>	<b>1.823,3</b>	<b>-224,2</b>
<b>Diện tích mặt nước cho thuê mướn (m<sup>2</sup>)</b>			
2005	1.176,5	315,8	80,2
2011	2.647,1	189,5	337,6
Chênh lệch	<b>1470,6</b>	<b>-126,3</b>	<b>257,4</b>
<b>Diện tích mặt nước canh tác bỏ hoang (m<sup>2</sup>)</b>			
2005	2,4	0,0	48,3
2011	3,5	0,0	289,9
Chênh lệch	<b>1,1</b>	<b>0,0</b>	<b>241,6</b>
<b>N</b>	<b>34</b>	<b>57</b>	<b>150</b>

Ý nghĩa thống kê \*\*\*: p=0,000; \*\*: p<0,01; \*: p<0,05

diện tích mặt nước bị ô nhiễm. Các tỷ lệ này ở Giao Thiện tương ứng là 25% và 33%. Điều này cho thấy BĐKH đã trở thành một nguyên nhân làm giảm diện tích mặt nước canh tác ở Côn Thoi và Giao Thiện.

Xem xét mục đích sử dụng giữa các loại mặt nước canh tác khác nhau vào thời điểm điều tra và vào năm 2005 thì thấy có khoảng từ 20-25% các hộ gia đình của 3 xã vùng ven biển này đã thay đổi mục đích sử dụng giữa các loại mặt nước canh tác khác nhau (20,6% ở Giao Thiện, 22,0% ở Côn Thoi và 24,8% ở Thái Đô). Trong số các hộ gia đình này, 1/3 số hộ gia đình ở Giao Thiện cho biết nguyên nhân là do nước bị nhiễm mặn. 7,7% số hộ gia đình ở Côn Thoi và 20,0% số hộ gia đình ở Thái Đô cho biết họ đã phải chuyển đổi mục đích sử dụng giữa các loại mặt nước canh tác khác nhau để ứng phó với thời tiết khắc nghiệt. 1/3 số hộ gia đình ở Giao Thiện, 15,4% số hộ gia đình ở Côn Thoi và 28,6% số hộ gia đình ở Thái Đô cho biết đã phải chuyển đổi vì do nước bị ô nhiễm (Bảng 7). Đây là những biểu hiện rõ ràng của tác động từ BĐKH đến biến đổi sử dụng mặt nước canh tác.

### 5. Kết luận và khuyến nghị

Biến đổi sử dụng đất nông nghiệp nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng trong suốt hơn 2 thập kỷ qua chịu tác động mạnh mẽ từ chính sách đổi mới trong nông nghiệp và quá trình công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước. Đồng bằng sông Hồng cũng là một trong những khu vực chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất ở Việt Nam trước tác động của BĐKH với các biểu hiện là sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu, mực nước biển dâng và những hiện tượng thời tiết cực đoan xuất hiện ngày một nhiều. Một vài nghiên cứu định tính về tác động của BĐKH tới biến đổi sinh kế của một số cộng đồng dân cư vùng Đồng bằng sông Hồng đã được thực hiện và cho

thấy BĐKH đã bắt đầu tác động vào việc sử dụng đất của các hộ gia đình ở một số địa phương song chưa đo lường được mức độ biến đổi.

Các phân tích định lượng từ số liệu thu được trong Điều tra về “*Tác động của biến đổi khí hậu tới biến đổi sử dụng đất và biến đổi sinh kế cộng đồng ở Đồng bằng sông Hồng*” do Trung tâm quốc tế về biến đổi toàn cầu - Đại học quốc gia Hà Nội cùng Viện Dân số và các vấn đề xã hội - Trường đại học Kinh tế quốc dân thực hiện trong tháng 5 và tháng 6 năm 2011, với 984 hộ gia đình tại 5 xã đại diện cho 3 vùng nông thôn khác nhau của Đồng bằng sông Hồng cho phép xác định mức độ biến đổi sử dụng đất của các hộ gia đình và các nguyên nhân gây nên sự biến đổi đó trong đó có nguyên nhân của BĐKH.

Biến đổi về sử dụng đất ở của các hộ gia đình trong giai đoạn 2005-2011 diễn ra theo xu hướng giảm diện tích đất vườn mà tăng diện tích nhà ở. Xu hướng này diễn ra mạnh ở những địa phương đang có xu thế phát triển, ví dụ như vùng nông thôn ven đô (Vân Nội) và vùng nông thôn ven biển có điều kiện nuôi trồng thủy/hải sản có giá trị kinh tế cao (Giao Thiện). Tác động của BĐKH hầu như chưa ảnh hưởng gì tới biến đổi sử dụng đất ở của các hộ gia đình nông thôn ven đô và nông thôn trung du. Mới chỉ có một tỷ lệ nhỏ các hộ gia đình sống ở nông thôn ven biển có thể phải đối mặt với việc biến đổi diện tích đất ở do sụt lún đất (trường hợp này đã xuất hiện ở Thái Đô - 5%).

Đúng với xu thế biến đổi sử dụng đất canh tác nông nghiệp dưới tác động của các yếu tố chính sách và phát triển kinh tế - xã hội, diện tích đất trồng lúa, trồng màu giảm đi vì những loại đất này được dùng cho các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn (Vân Nội, Tân Lĩnh), hoặc bán cho người khác hoặc chia cho con cái hoặc bị thu hồi để thực

**Bảng 7. Phân bố tỷ lệ (%) các hộ gia đình được điều tra theo nguyên nhân biến đổi mục đích sử dụng mặt nước canh tác giai đoạn 2005-2011**

<i>Chỉ báo</i>	<i>Giao Thiện</i>	<i>Côn Thoi</i>	<i>Thái Đô</i>
Nước bị xâm nhập mặn	<b>33.3</b>	-	-
Nước bị ô nhiễm	<b>33.3</b>	<b>15.4</b>	<b>28.6</b>
Chuyển đổi để có hiệu quả cao hơn	16.7	15.4	22.9
Chuyển đổi để ứng phó với thời tiết khắc nghiệt	-	<b>7.7</b>	<b>20.0</b>
Phải chuyển đổi do quy hoạch	-	15.4	8.6
Khác	33.3	53.8	*65.7
<b>N</b>	<b>6</b>	<b>13</b>	<b>35</b>

Ý nghĩa thống kê \*\*\*: p=0,000; \*\*: p<0,01; \*: p<0,05

hiện các nhiệm vụ quy hoạch (Vân Nội, Tân Lĩnh, Giao Thiện, Cồn Thoi) hoặc chuyển sang dạng mặt nước (ao) nuôi thủy sản (Thái Đô). Biến đổi mục đích sử dụng giữa các loại đất canh tác khác nhau diễn ra mạnh ở vùng nông thôn ven đô (Vân Nội) và nông thôn trung du (Tân Lĩnh) (gần 30% các hộ gia đình được điều tra). Ở vùng nông thôn ven biển, việc này xảy ra ở mức độ thấp hơn (ít ở Giao Thiện và Cồn Thoi, 15% các hộ gia đình ở Thái Đô).

BĐKH đã phân nào gây nên tới biến đổi mục đích sử dụng giữa các loại đất canh tác khác nhau của các hộ gia đình với các biểu hiện như đất bị nhiễm mặn ở vùng nông thôn ven biển (14,3% số hộ gia đình ở Giao Thiện, 3,7% hộ gia đình ở Thái Đô), thời tiết khắc nghiệt đòi hỏi phải ứng phó ở vùng nông thôn ven đô (3,9% các hộ gia đình ở Vân Nội) hoặc đất bị xói mòn ở cả nông thôn ven đô lẫn vùng nông thôn bán sơn địa (3,9% số hộ gia đình ở Vân Nội và 1,9% số hộ gia đình ở Tân Lĩnh).

Biến đổi sử dụng mặt nước canh tác chỉ đo được đối với các hộ gia đình vùng nông thôn ven biển. Nhìn chung, diện tích nuôi trồng thủy sản nước ngọt bình quân của hộ gia đình có xu hướng tăng lên. Diện tích nuôi trồng hải sản nước mặn tính bình quân cho một hộ gia đình có tăng lên ở một số địa phương (Giao Thiện, Cồn Thoi) nhưng cũng xuất hiện xu thế giảm hoặc bị bỏ hoang ở một số địa phương khác (Thái Đô). Tỷ lệ hộ gia đình có những thay đổi về diện tích mặt nước canh tác (tăng thêm vào hoặc giảm đi) tương đối đáng kể (24,2% ở Giao Thiện, 40,7% ở Cồn Thoi và 18,8% ở Thái Đô).

BĐKH đã trở thành một nguyên nhân làm giảm diện tích mặt nước canh tác với biểu hiện biển xâm thực và mặt nước ô nhiễm (11,8% và 15,4% số hộ gia đình ở Cồn Thoi, 25% và 33% số hộ gia đình ở Giao Thiện). Có từ 20-25% các hộ gia đình của 3 xã vùng ven biển đã hoán đổi mục đích sử dụng giữa các loại mặt nước canh tác khác nhau mà trong đó có cả nguyên nhân do BĐKH với biểu hiện cụ thể là nước bị nhiễm mặn (33,3% số hộ gia đình ở Giao Thiện), thời tiết khắc nghiệt đòi hỏi phải ứng phó (7,7% số hộ gia đình ở Cồn Thoi và 20,0% số hộ gia đình ở Thái Đô), nước bị ô nhiễm (33,3% số hộ gia đình ở Giao Thiện, 15,4% số hộ gia đình ở Cồn Thoi và 28,6% số hộ gia đình ở Thái Đô).

Từ các kết quả nêu trên, để ứng phó với những tác động của BĐKH liên quan đến biến đổi sử dụng đất của các hộ gia đình nông thôn ở vùng đồng bằng sông Hồng, một số khuyến nghị được đề xuất gồm:

(i) Hiện ở vùng nông thôn Đồng bằng sông Hồng,

tuy mức độ tác động của BĐKH đến biến đổi sử dụng đất còn ít song trên thực tế những gì đã xảy ra. Hệ quả tác động của BĐKH có sức tàn phá rất nặng nề và lâu dài đối với đời sống dân sinh, vì thế các hộ gia đình cần nhận được sự hỗ trợ rất lớn từ phía Chính phủ và các tổ chức để chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với hiện tượng sạt lở đất hay những hiện tượng khác nghiệt của thời tiết, đặc biệt trong công tác dự báo.

(ii) Cần thực hiện lồng ghép yếu tố phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó và giảm nhẹ tác động tiêu cực do BĐKH vào các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, vùng và từng địa phương. Các hộ gia đình vùng nông thôn ven biển cần được hỗ trợ để xây dựng chiến lược dài hạn ứng phó với việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất canh tác do đất bị nhiễm mặn. Các hộ gia đình vùng nông thôn ven đô và nông thôn bán sơn địa cần xây dựng các kế hoạch ngắn hạn cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất canh tác trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt và đất bị xói mòn.

(iii) Vấn đề mấu chốt mang tính chiến lược của quy hoạch thủy lợi là phải đảm bảo an ninh dòng chảy. Tại các cửa sông vùng ven biển Nam Định, Thái Bình,... cần phải xây dựng hệ thống cống, đập để chống nước biển dâng và xâm ngập mặn; nâng cấp và hoàn thiện đê biển và các cống dưới đê; dọc ven biển cần phải bổ sung trồng thêm rừng ngập mặn. Các hộ gia đình vùng nông thôn ven biển cũng cần được hỗ trợ để ứng phó với sự xâm thực của biển làm nhiễm mặn và ô nhiễm mặt nước canh tác và sự biến đổi mục đích sử dụng mặt nước canh tác để ứng phó với thời tiết khắc nghiệt.

(iv) Nhìn ở một khía cạnh khác, không chỉ thích ứng với BĐKH, người nông dân cũng phải tích cực góp phần giảm thiểu tác động của BĐKH đến biến đổi sử dụng đất bằng cách tích cực, chủ động đổi mới cách thức canh tác, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với điều kiện đất bị biến đổi.

(v) Các dẫn chứng đầy đủ hơn về mức độ ảnh hưởng của BĐKH đến biến đổi sử dụng đất cần tiếp tục được thu thập. Những thông tin này cũng cần được cung cấp cho chính quyền các địa phương trong quá trình xây dựng chiến lược ứng phó với các ảnh hưởng của BĐKH. Việc xác định được mức độ ảnh hưởng này cũng cho phép chính quyền các địa phương sắp xếp được thứ tự ưu tiên cho các hoạt động ứng phó. □

## Tài liệu tham khảo:

- Bùi Đại Dũng (2011). “Tổng quan về chính sách đổi mới của Việt Nam trong nông nghiệp từ năm 1986 đến nay, tác động và ảnh hưởng của những chính sách này đến kinh tế nói chung và sử dụng đất nông nghiệp nói riêng tại đồng bằng sông Hồng”. *Báo cáo nghiên cứu*. Trung tâm quốc tế nghiên cứu biến đổi toàn cầu - Đại học quốc gia Hà Nội.
- Bộ Tài nguyên và môi trường (2009). *Kịch bản Biến đổi khí hậu và Nước biển dâng cho Việt Nam*. Hà Nội.
- DFID (1999). *Sustainable Livelihood Guidance Sheet*. DFID, UK.
- Nguyễn Thị Kim Hoa và cộng sự (2011). “Biến đổi khí hậu và thay đổi sinh kế ở Đồng bằng sông Hồng nhìn từ góc độ xã hội học”. *Báo cáo nghiên cứu*. Trung tâm quốc tế nghiên cứu biến đổi toàn cầu- Đại học quốc gia Hà Nội.
- Peter Chaudhry và Greet Ruyschaert (2007). “Climate Change and Human Development in Vietnam: A case study”. *Human Development Report 2007: Vietnam case Study*. UNDP, trang 125-148.
- Phạm Văn Cự và cộng sự (2009). “Tác động của Biến đổi khí hậu đến biến đổi sử dụng đất và thay đổi sinh kế cộng đồng ở đồng bằng sông Hồng”. *Văn kiện dự án*. Trung tâm quốc tế nghiên cứu biến đổi toàn cầu - Đại học quốc gia Hà Nội.
- Tô Văn Trường (2008). “*Tác động của Biến đổi khí hậu đến An ninh lương thực quốc gia*”. Chương trình trọng điểm cấp Nhà Nước KC 08/06-10.
- Tổng cục Thống kê (2010). *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam ngày 1/4/2009: Các kết quả chủ yếu*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu (2011). “Sự thích ứng của sinh kế ven biển trước tác động của Biến đổi khí hậu: Nghiên cứu điển hình tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định”. *Tạp chí Kinh tế phát triển*, số 171, tháng 9/2011, trang 53-61.
- UNDP (2008). “Cuộc chiến chống lại biến đổi khí hậu: Tinh đoàn kết nhân loại trong một thế giới còn chia cách”. *Báo cáo phát triển con người 2008*.

## Climate change and land use change of rural households in Red River Delta, Vietnam

### Abstract:

*Climate change (cc) and its impacts to the socio-economy and the development of communities has become an issue getting a very special concern. The rise in global temperatures, in sea level and extreme weather phenomena, salinization those occur more and more have directly influenced on the livelihoods of rural households in red river delta, one of the two regions is projected being suffered strongly from climate change in Vietnam. For farming households in this region, the major and traditional livelihoods are based on main production material is agricultural land, and aquacultural water surface. Changes in land use of rural households in red river delta during last time was influenced strongly by the renovation policy in agriculture as well as the process of industrialization and modernization in the country. Climate change over the past 5 years (2005-2011) has started influencing the household' land use with the concrete manifestations such as reducing the cultivation area and changing the purpose of land use.*

---

### \* Lưu Bích Ngọc, Tiến sĩ

- Cơ quan công tác: Viện Dân số và Các vấn đề xã hội, trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Dân số học, Dân số - Phát triển: di dân, giới; Các vấn đề xã hội: y tế, giáo dục, nghèo đói, việc làm, sinh kế và biến đổi khí hậu; Thông tin – giáo dục – tuyên truyền; Sức khỏe sinh sản, HIV/AIDS và marketing xã hội.

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình: *Tạp chí Kinh tế - Phát triển, Tạp chí Dân số - Phát triển, Tạp chí Khoa học xã hội, Tạp chí Xã hội học*

Email: bichngoclu@gmail.com